

ĐC

21

TRỌNG VĂN

# KÉP TRÀ

nhà thơ  
trào phúng  
xuất sắc



LAO ĐỘNG

• KÉP TRÀ

NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG

XUẤT SẮC

200,85  
X.2.1.1

TRỌNG VĂN  
(Nguyễn Duy My)

# KÉP TRÀ

NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG

XUẤT SẮC

(Sưu tầm, khảo luận)

AC.21

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Hà Nội - 1993

---

---

Chịu trách nhiệm xuất bản:

XUÂN CANG

Chịu trách nhiệm bản thảo:

MA VĂN KHÁNG

Biên tập nội dung:

QUANG KHẢI

và

NGUYỄN HUY THÔNG

Trình bày sách và vẽ bìa

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in:

HỒNG NAM

---

In 1000 cuốn, khổ 13x19 cm tại xínghiệp in Công Đoàn

Số xuất bản 177.VN/LN Số in . . .

In xong và nộp lưu chuyển tháng 5/1993.

## LỜI NÓI ĐẦU

Cách đây khoảng nửa thế kỷ, ở tỉnh Hà Nam cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà có một nhà thơ cũng từng lấy một thời về lối thơ trào phúng. Ông hay đã kích những kẻ quyền thế hách dịch, những tên giàu sang hợm hĩnh, làm càn, làm bậy, hại nước hại dân.

Thơ ông ngoài tính chất trào lộng sâu sắc còn rất hiện thực và thời sự. Dương thời người ta thích đọc, thích nghe thơ ông và thích tuyên truyền cho nhau biết, nhưng chỉ là truyền miệng, việc ghi chép hầu như không ai làm, vì sợ liên lụy.

Hiện nay nhân dân các huyện: Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm (Nam Hà); Ứng Hoà, Phú Xuyên, Mỹ Đức (Hà Tây) có nhiều người thuộc một vài bài hay nhớ một vài câu của nhà thơ đó đã đọc cho chúng tôi ghi chép.

Từ năm 1959, tôi đã chú ý tìm hiểu, nghiên cứu về thân thế và sự nghiệp văn chương của nhà thơ. Tập san "Nghiên cứu văn học" (nay là Tạp chí Văn học) số 6-1962 và số 4-1963 đã đăng một số kết quả nghiên cứu bước đầu của tôi, với bút danh Tân Sinh.

Nay xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc nhà thơ đó, tên là Hoàng Thụy Phương, tức KÉP TRÀ cùng nhiều thơ ca, câu đối của ông (kèm theo một số giai thoại) mà chúng tôi đã sưu tầm được. Tôi xin chân thành cảm ơn các cụ, các bác và nhiều đồng chí, bạn bè đồng nghiệp đã nhiệt tình cung cấp tư liệu, góp nhiều ý kiến quý báu cho chúng tôi khi sưu tầm, nghiên cứu thơ văn KÉP TRÀ.

Chắc chắn là trong công trình nghiên cứu của chúng tôi còn nhiều thiếu sót, khiếm khuyết. Rất mong được sự giúp đỡ, góp ý phê bình và bổ sung của các nhà nghiên cứu văn học, của tất cả bạn đọc xa gần về thơ văn KÉP TRÀ.

Nam Hà tháng 10-1975

TRONG VĂN

**Phần  
tiểu  
luận**

### KHI KÉP TRÀ RA ĐỜI...

Cuối thế kỷ XIX lịch sử nước ta có nhiều thay đổi sâu sắc.

Năm 1873 là năm giặc Pháp bắn phát súng đầu tiên vào thành phố Hà Nội cũng là năm nhà thơ Kép Trà ra đời.

23 năm trước đó, đế quốc Pháp đã nổ tiếng súng thị uy đầu tiên vào đất nước ta ở Đà Nẵng. Năm 1862, Phan Thanh Giản thay mặt triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp hiệp ước cắt nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ, rồi năm 1867 lại cùng Phan Thanh Giản đầu hàng trước khi giao tranh, ký hiệp ước dâng nốt 3 tỉnh miền Tây. Toàn cõi Nam Bộ trở thành thuộc địa của Pháp. Trong lúc đó, nhân dân miền Nam nổi dậy, chiến đấu anh dũng chống xâm lăng. Các sỹ phu yêu nước nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của dân tộc, phất cờ khởi nghĩa cứu nước. Từ thất bại này đến thất bại khác, tinh thần chống giặc vẫn lên cao. Trương Công Định, Âu Dương Lân, Nguyễn Hữu Huân, Phan Văn Đạt, Đỗ Trình Thụy đã ghi tên mình bằng chữ máu vào trang lịch sử oanh liệt của đất nước.

Năm 1873, giặc Pháp đánh Hà Nội, quan Khâm mạng trông coi việc Bắc Kỳ là Nguyễn Tri Phương kiên quyết giữ thành. Con trai ông là phò mã Lân hy sinh tại trận. Nguyễn Tri Phương trúng đạn, bị Pháp bắt, nhất định không để cho giặc búng bỏ thuốc men rồi nhin ẫn cho đến chết. Kể đó, các thành:



Hải Dương, Ninh Bình và cuối cùng là Nam Định lọt vào tay quân Pháp. Triều đình nhà Nguyễn xin điều đình. Hoà ước 1884 được ký kết. Tự Đức nhường cho Pháp quyền đi lại trên sông Hồng, quyền chiếm đóng các khoản đất hai bên bờ sông, quyền thu thuế thương chính và tự do đi lại trên khắp Bắc Bộ và Trung Bộ.

Tám năm sau, kết quả cuộc thí nghiệm từ Pari gửi về hai cục than ăn cấp ở mỏ Hà Lâm (Quảng Ninh), chúng tỏ than Việt Nam thuộc loại than quý nhất thế giới. Đó là nguồn thúc đẩy thực dân Pháp phải nhanh chân và không cần viện cớ gì, chúng cho Henri Ri-vi-e (Henri Rivière) lại tấn công Hà Nội. Tổng đốc Hoàng Diệu chống cự oanh liệt và khi biết thành không giữ được nữa thì ông tuấn tiết với thành. Cùng một loạt các thành khác lại đổ.

Tháng 8-1883 ký hoà ước Ác - măng.

Tháng 6 năm sau lại ký thêm hoà ước Pa-tơ-rơ-nốt cho xâm lược Pháp có quyền thống trị trên toàn cõi Việt Nam.

Từ năm 1885 đến 1895, phong kiến nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp vô điều kiện. Tuy vậy, cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc của nhân dân ta, do các văn thân yêu nước chuyển về nông thôn. Đó là những cuộc khởi nghĩa Cần Vương của Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Cao, Võ Hữu Lợi, Nguyễn Quang Bích ở Bắc Bộ, của Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân, Cầm Bá Thước, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Phạm Tuận, Nguyễn Duy Hiệu ở Trung Bộ. Quan trọng hơn hết là phong trào khởi nghĩa Hương Khê, do Phan Đình Phùng lãnh đạo trong 10 năm chống Pháp. Đó là trận thử thách cuối cùng,

trong đó bộ phận yêu nước của giai cấp phong kiến cố gắng đem hết tàn lực để làm nhiệm vụ lịch sử cuối cùng của mình.

Từ 1897 đến 1907 là giai đoạn thực dân Pháp hoàn thành công việc xâm lược và bình định bằng quân sự của chúng.

Từ đây trở đi là cuộc khai thác kinh tế của thực dân Pháp ở nước ta có hệ thống bóc lột trắng trợn, đàn áp tàn bạo về chính trị, nô dịch quý quyết về văn hoá, xã hội. Đây là giai đoạn để bọn Việt gian bán nước hoành hành, bằng lừa bịp, phản bội, tàn sát, nịnh hót và tâng công: bọn Trần Bá Lợi ở Nam Bộ; Nguyễn Thân, Nguyễn Hữu Độ ở Trung Bộ; Hoàng Cao Khải, Lê Hoan ở Bắc Bộ. Lúc này cũng là lúc thời cơ "đục nước béo cò" đến với bọn cơ hội: khoa bảng cũng có, nho sĩ cũng có, bồi bếp cũng có, con buôn cũng có... Bọn chúng chính là những tên "làm cho hại nước lại tàn dân" mà Kép Trà đã mỉa mai đã kích. Bối cảnh lịch sử xã hội ấy đã được phản ánh sâu sắc, đậm nét trong thơ văn của Kép Trà.

## MỘT NHÂN CÁCH CAO THƯỢNG

Ông tên là Hoàng Thụy Phương, quê ở làng Lê Xá, nay thuộc xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên (Nam Hà). Ông còn có tên gọi là Trà, đã đỗ hai khoa tú tài, nên người ta thường gọi ông là Kép Trà.

Một vài ông già địa phương, trước là học trò ông như ông

lang Tường còn nhớ năm Đinh Mão (1927), ông còn viết nóc đình, năm sau Mậu Thìn (1928) thì mất. Ông ký Hiệu nói: "Kép Trà sinh năm Dậu, đỗ năm Dậu và lần sau đỗ cũng năm Dậu, nghĩa là ông sinh năm Quý Dậu (1873), đỗ lần thứ nhất vào năm Đinh Dậu (1897), đỗ lần thứ hai vào năm Kỷ Dậu (1909)".

Chính quê ông ở làng Phù Lưu, Bắc Ninh, nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn (Hà Bắc), di cư xuống Lê Xá, tính đến ông là đời thứ bảy. Ông là con thứ hai (con bà vợ cả) của cụ đồ Hoàng Thụy Giác. Năm 1962, bà Hoàng Thị Lý, con gái của Kép Trà (con bà vợ thứ ba), lấy chồng ở làng Lạc Nhuế, xã Đồng Hoá, huyện Kim Bảng (Nam Hà) cho tôi biết: Kép Trà mồ côi cả cha và mẹ từ lúc còn nhỏ, phải ở với chú. Ông mất ngày 25-3 (âm lịch) năm Mậu Thìn (1928).

Kép Trà học vỡ lòng cụ đồ Tùng, người cùng làng rồi học cụ Cừ người làng Vũ Lao (Nam Định) lên dạy học ở Đọi Sơn, gần làng Lê Xá; học cụ Kép Mai, cụ nghề Thức ở Châu Cầu, huyện Thanh Liêm. Bạn đồng học của ông là ông Trần Hữu Đáp, tức Trợ Đáp cũng đỗ hai khoa tú tài, ông tú Mã (hai ông này người cùng làng), ông tú Hoà Khê, ông Nghị Tính ở thôn Trì, ông nhì Tái ở Lam Cầu.v.v...

Kép Trà là một nhà nho thông minh và ham hoạt động. Ông vừa dạy học vừa làm thơ. Thơ đối với ông như một phương tiện, một vũ khí lợi hại để đả kích bọn quan lại phong kiến và những thói hư tật xấu của nhiều hạng người trong cái xã hội như ông viết:

*Buổi tân trào chữ Hán sắp tàn canh.*

*Mối đạo thống sơi tơ mảnh hầu dút*

Sinh thời, Kép Trà hay làm thơ phê phán mạnh mẽ bọn

quan lại hách dịch, tham ô, bợn xu thời, bợ đỡ, lỗ lã. Tính tình ông cứng cỏi, dám nói, dám làm thơ, dám kiện quan lại, dám đánh thừa phái trong lúc thịnh thời của chúng, nên đôi khi ông cũng bị chúng trả thù.

Một lần vào tháng 8-1924 tại trụ sở Hội khai trí tiến đức ở phố Lý Thái Tổ, Hà Nội, nhìn ra hồ Hoàn Kiếm, Phạm Quỳnh (lúc ấy là chủ bút báo "Nam Phong") cùng hội viên của cái hội quan lại cao cấp này tổ chức lễ kỷ niệm nhà đại thi hào Nguyễn Du. Hội ấy Kép Trà nổi tiếng làm thơ và ngâm thơ hay. Được ông Bùi Kỳ giới thiệu, Kép Trà lên ngâm thơ Nguyễn Du. Đứng giữa đám quan lại to đầu toàn là tổng đốc, tuần phủ như Hoàng Trọng Phu, Trần Văn Thông, Lê Nhiếp, Nguyễn Năng Quốc..., ông đã ngâm bài "văn tế thập loại chúng sinh" và sau đó bình luận bài thơ, đại ý nêu lên nỗi khổ cực của nhân dân, đả kích bọn quan lại tham nhũng. Rồi Kép Trà kết luận: "Bọn quan lại thế đấy!".

Nhà văn lão thành Hoàng Ngọc Phách (1896-1973), hồi ấy là sinh viên Trường cao đẳng sư phạm Hà Nội kể lại: Bọn quan lại ngồi nghe rất căm tức, nhưng không dám làm gì, chỉ có tuần phủ Bùi Huy Tiến đứng lên phản ứng bằng một câu: "Chỗ này toàn những bậc thượng lưu trí thức cả, ả nói như vậy thì "sượng" quá." Tổng đốc Hoàng Trọng Phu khôn khéo hơn, không nói gì, chỉ tùm tùm cười. Nhưng bọn tay chân của chúng thì sùng sộ định đánh Bùi Kỳ và Kép Trà. Đông đảo anh em sinh viên có mặt đã đứng lên bảo vệ hai ông và tuyên bố: "Kẻ nào đụng đến Kép Trà thì sẽ không ra khỏi phòng này được". Sau đó, anh em sinh viên đã xếp thành hai hàng rào bảo vệ hai ông ra về tận nhà.

Về hoạt động chính trị, người ta được biết Kép Trà có bị bắt ở Thái Bình và giải về giam ở đê lao Phú Lý vào thời gian mà tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàm bị nhà yêu nước Phạm Văn Tráng ám sát. Chúng tình nghi ông có liên quan đến việc này. Vụ án của ông, bọn thống trị phê "Sỹ Thái Bình chi hậu", nghĩa là đợi vụ án Thái Bình rồi mới xét. Sau chánh xứ Pháp lúc ấy là Forsand quyết định tha ông, vì chúng không tìm được bằng cứ.

Năm Đội Cận nổi dậy ở Thái Nguyên (1917), ông có lên chơi với con rể, dạy học ở Bắc Giang. Khi về đến Đồng Văn (Duy Tiên), ông vào uống rượu ở một hàng cơm. Đương lúc say có tên cai Hán, người Điệp Sơn làm cai lệ và là tay sai đắc lực của tri huyện Lê Hữu Tích đến gạ chuyện. Hỏi ông: "Cụ Kép ở Thái về hả?". Ông gạt gù: "Ừ, trẫm ở trên ấy về đây." Cai Hán về trình với Tích, Tích cho bắt ông và làm hồ sơ thật nặng. Ông bị giải lên tỉnh tống giam lần thứ 2, rồi cuối cùng bị đưa ra toà và nhận cái án "hồi dân quản thúc" (về làng, đi đâu phải xin phép lý trưởng, có khi phải ra ngủ ở điểm canh).

Ông Lê Bá Nhỡn, người ở An Bảo, lấy vợ ở Lê Xá, là học trò ở liền với với thầy Kép Trà kể lại: "Lúc Kép Trà ốm nặng sắp qua đời, ông có bảo tôi và ba người học trò khác nữa, nay cũng chết cả rồi rằng "Thầy trước có làm "cách mệnh văn thân" nhưng vì ốm yếu, nên không theo các vị ấy được."

Cụ Phạm Văn Đăng, làm thuốc ở Hoà Mạc (Duy Tiên) cho biết thêm: Kép Trà đã cùng em cụ Nguyễn Thượng Hiền là Nguyễn Thượng Chất, biệt hiệu Thi Sơn (hồi kháng chiến chống Pháp là uỷ viên Liên Việt liên khu 3) có liên lạc với Hoàng Hoa Thám ở Phồn Xương (Bắc Giang) mấy lần. không

nhớ rõ thời gian nào. Kép Trà có giao thiệp với sư Hợp ở chùa Hoà Khê, rất hay chữ, trước có ra làm thông phán, sau bị Tây bắt giam ở nhà lao Nam Định... Hai người có họa thơ với nhau bằng chữ Nho. Chính cụ Đăng có lần đã cầm thơ của Kép Trà lên chùa Hòa Khê vào mừng 4 tết. Cụ Đăng được nhà chùa cho ăn cỗ. Về thơ của hai người, cụ Đăng thuộc, nay quên cả. Cụ giáo Nguyễn Văn Tố ở thị xã Phú Lý còn nhớ hai câu thơ của âm Hợp:

*Tá vấn Ba-lê Ba-si-dích*

*Nhữ như thị thị, ngã như hà*

(Uớm hỏi Pa-ri có nhân dân nổi dậy phá ngục Bát-sti  
Người như thế đấy, còn ta (nước ta) thì như thế nào?)

Kép Trà thường chơi bởi giao du với bọn quan lại, nhưng nhà thơ vẫn kiên quyết không tha những hành vi xấu xa của chúng đối với quần chúng nhân dân. Chính qua các cuộc tiếp xúc này mà ông càng hiểu sâu thêm bản chất, tính cách của chúng.

Kép Trà luôn có sự đả vật, mâu thuẫn trong suy nghĩ, trong thế giới quan của mình. Nhà thơ sinh ra và lớn lên ở vùng quê Hà Nam. Ông sống gần gũi và hoà mình vào cuộc sống của nhân dân. Chính vì thế mà quần chúng rất mến mộ và nhanh chóng truyền miệng cho nhau nghe những bài thơ trào phúng đặc sắc của ông. Nhà thơ ôm nặng một tâm sự yêu nước kín đáo:

*Sinh ra vốn khác loài da trắng*

*Chết cũng thương nhau một giống vàng*

Ông căm ghét bọn quan lại và cả bọn Tây thực dân. Nhưng rồi ông không dám đứng lên kiên quyết tham gia cuộc kháng chiến chống xâm lược, theo con đường của một số sỹ phu yêu

nước đã làm. Có lúc ông muốn "*Chơi vung thế giới*" cho thỏa chí tang bồng của bậc mây râu, có lúc lại muốn làm "*mô phạm lữ dân sau*". Ông đã từng đi dạy học ở nhiều nơi, rồi đi mở đồn điền trồng trọt ở vùng rừng núi Thác Bà (Yên Bái) vào năm 1906 và rồi lại đi tu ở chùa An Bảo, nay thuộc xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên. Nhưng ông đi tu mà vẫn không thoát tục, vẫn quan tâm đến thế sự và đời sống của dân chúng địa phương. Chính Kép Trà đã viết:

*Sư dâu, sư quái, sư ranh*

*Thần kiêng, thánh hộ, ma kinh, quỷ hờn*

Ở các phần sau, chúng tôi sẽ đi sâu phân tích giá trị thơ văn của Kép Trà để chúng ta hiểu rõ thêm về tầm vóc của nhà thơ.

## BỨC TRANH HIỆN THỰC TRONG THƠ

Có thể nói bức tranh hiện thực xã hội trong thơ Kép Trà rất *phong phú và sinh động*. Dưới ngòi bút tài hoa của ông, *chân dung của một số viên tri huyện, quan lại* đã được hiện lên rõ rệt với những chi tiết điển hình về ngoại hình và tính cách. Đó là Vũ Tuân, tri huyện Duy Tiên:

*Quan quách gì mày phó bằng Tuân*

*Làm cho hại nước lại tàn dân*

*Trối thẳng đánh đập lẫn lưng khố*

*Bắt đũa hoang thai liếm cả quần*

; là Lê Hữu Tích, viên quan lại đến thế chân Vũ Tuân cai trị đất Duy Tiên:

*Ba que nó vẫn dòn tay sờ*

*Chín ống nào ai há miệng ra*

; là Đoàn Ngung, tri huyện Kim Bảng quen thói:

*Dân vào ít lễ sang mồm chửi*

*Bạn đến thăm nhau giờ giọng chuồn*

; là Phó Bá Thuận, tri huyện Thanh Liêm chuyên thâu cày, bóp nặn nhân dân:

*Bị mũi ăn dơ quân chó má*

*Dang tay rắc ớt bẫy cò - ke*

Và đây là bộ mặt của Đỗ Thục, cây thế Tây ra làm quan rồi về làm tri huyện Duy Tiên:

*Cai việc ra tay nện trống hầu*

*Quan đây, quan đó chú quan đâu*

*Ba khoanh bụng đặc lì như bí*

*Một bộ răng nhe trắng ngỡ bầu*

Trong bài thơ "Năm quan phủ, huyện" lại một lần nữa Kép Trà vạch rõ bản chất xấu xa, giả nhân giả nghĩa, hống hách, tham lam của các viên tri huyện, tri phủ trong tỉnh Hà Nam (cũ) như : Đoàn Ngung, Hoàng Tích Phụng, Vũ Thiện Đạm, Phạm Huy Thành và Nguyễn Hữu Hậu.

Tại một bữa cỗ sang trọng có nhiều nhân vật tai to mặt lớn của huyện Duy Tiên dự, Kép Trà đã cho bọn tri huyện Bùi Đống, trợ tá Giảng và thừa phái Xúng một phen mất mặt. Kép Trà phần nộ vớ lấy chiếc gối đập thẳng vào mặt thừa Xúng. Chúng ảm ức vội làm biên bản để kiện ông ở toà án tỉnh. Ông



KÉP TRÀ - NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG...

đã bào thẳng vào mặt chúng chẳng làm gì được ông:

*Thương thay lũ cá hau*

*Gặp phải thẳng óc bó (hóc búa)*

*Được thua có làm chi*

*Kiên nó làm gì nó!*

(Đi ăn cỗ)

Có lúc Kép Trà không ngần ngại đã kích tính chất xấu xa, chạy theo đồng tiền để mưu cầu lợi ích riêng như nhớp của hai tên lễ Đạt, đề Giảng ở huyện Thanh Liêm. Ông cảnh cáo chúng:

*Chợ chiều liệu dấy mà mua bán*

*Thạo lăm ông cho chết bỏ xừ*

(Chợ chiều liệu dấy!)

Cũng giống như Tú Xương (1870-1907), ngòi bút trào phúng sâu cay của Kép Trà luôn tung hoành, xung kích khi phê phán, đã kích *những tính cách rởm, xấu xa, trái với luân thường đạo lý của nhiều hạng người* trong xã hội thực dân, phong kiến ấy.

Ông trút sự phẫn nộ lên các nhân vật như hàn Đài, đô Liễn (xem các bài "Tặng quan hàn", "Quan hàn bị đòn") chuyên chạy chọt, luồn lọt bợn quyền cao, chức trọng và hay hợm mình, lên mặt ta đây với mọi người xung quanh: "*Chào ông" chẳng thích, thích "chào quan"*

Kép Trà đã chỉ trích rất thâm thúy cái đám cưới nhỏ nhẻ của Nguyễn Hữu Tiệp nhờ nghề cai thầu khoán và giỏi luồn lách mà trở nên giàu có, hãnh tiến với một mục goá chồng nhưng

rất quá quắt:

*Trai trong bốn chục còn non mặt*

*Gái ngoài năm mươi vẫn nứng l...*

Còn đây là một đám cưới khác: con trai tri huyện Lập Thạch (Vĩnh Phú) lấy con gái ông cử Lam Cầu (Duy Tiên) "*kẻ rất sang chơi kẻ rất giàu*". Vậy mà hai người chú của cô dâu vào kê giường cho cô dâu chú rể đã dám làm cái chuyện tham lam, vô đạo đức, khiến Kép Trà phải đặt câu hỏi:

*Một trăm đồng bạc đi dâu mấi*

*Chú lý quyền hay chú tú Châu?*

*(Đám cưới con ông huyện)*

Nhà thơ còn có một bài thơ đặc sắc khác nói về một đám cưới khá nực cười "*Kẻ mót xu tiêu, kẻ mót chõng*" giữa cử Hân, quê ở non Côi sông Vị (Nam Định) làm thông phán với mục thông Giảng, vợ goá của một viên thông phiến (chân chạy giầy tờ liên lạc của phủ hay huyện với dinh tuần phủ) ở phố Châu Cầu (Phù Lý), chủ cho vay nợ, già rưng rưng móp má. Kết thúc bài thơ, tác giả viết:

*Một nữa là duyên, hai nữa nợ*

*Ba là góp gạo thổi cơm chung*

*(Duyên nợ chú Bát, dì Thông)*

Ngòi bút của Kép Trà càng ngày càng tỏ ra sắc sảo khi phê phán những hành vi xấu xa, gian giảo, dâm ô trụy lạc của mục chánh Kỳ ở Phù Lý:

*Lên mặt xuống chân không biết xấu*

*Bán tròn nuôi miệng có ra gì*

; Hoặc chuyện vợ một viên thông phán phải lòng một tên

ký đoan thuê chung nhà, bị chồng bắt được quả tang:

*Cắt tai, cắt tóc cô dùng oan*

*Cắt cả gì đi cũng chẳng oan*

Và ngay đến sự cụ chùa Diếp Sơn đam mê người khác giới cũng "được" Kép Trà tặng cho một bài thơ Đường luật với hai câu kết:

*Xin ông mạnh giỏi dùng theo Phật*

*Chùa có giếng hoa mới mát sân(!)*

Bên cạnh việc phê phán bọn quan lại phong kiến và nhiều hạng người xấu xa trong xã hội, Kép Trà còn có một số bài thơ thời sự đã kích mạnh mẽ những trò hề lỗ lã của bọn thực dân, phong kiến bày ra. Trong bài "Vịnh Nguyễn Hữu Hậu", nhà thơ đã bóc trần thực chất của cái việc thực dân Pháp bắt dân ta cho "mẫu quốc" Pháp vay nợ, gọi là "quốc trái, người ta gọi chạnh ra là "quốc thái". Đây là dịp để để bọn quan lại như tri huyện Nguyễn Hữu Hậu lợi dụng "nhắm mắt vung tiêu" vơ vét tiền của của dân đen.

Đối với trò hề bầu cử dân biểu, do thực dân Pháp tổ chức để lập ra Bắc kỳ tư vấn nghị viện, ông cũng không buông tha chúng. (Xem bài "Tranh cử nghị viên"). Kép Trà cho rằng đây là cơ may để bọn nhà giàu địa chủ, thầu khoán bỏ tiền ra mua chân "nghị gât" cho có vai vế và để bề nạt nô, bóc lột dân chúng. Ông nhắc nhở chúng:

*Ô hay hủi cũng làm nên loạn*

*Có ở đây sau mới gặp đây!*

Khoảng năm 1920 trở đi, bọn thống trị tổ chức cải lương nông thôn để lập ra Hội đồng cải lương hương chính. Chẳng qua đó chỉ là trò dân chủ giả hiệu. Kép Trà đã gọi hần bọn người

tham gia cái hội đồng đó là "lũ cá muông" háu ăn, "dốt đặc cù đèn" làm khổ dân chúng.

Sống gần gũi thường xuyên với quần chúng nhân dân, Kép Trà tỏ ra rất thông cảm với nỗi lo lắng đau đớn của bà con nông dân hàng năm đến vụ nước to phải đối phó với nạn lụt. Bọn nha lệ thường lợi dụng dịp này để "đục nước béo cò", chăm mút xoay xở, vét cho đầy túi tham:

*Chưa nhai tre hết còn nhai bạc*

*Vừa bắt trâu xong lại bắt bò*

Nhà thơ khẳng định:

*Còn dê, còn nước, dân còn khổ*

*Ài bảo Duy Tiên huyện vẫn cò (khổ sở)*

*(Lục)*

## NGHIỆ THUẬT THƠ ĐỘC ĐÁO

Chưa nói về trào phúng ngay cách nói chuyện làm cho người ta cười được, hoặc đùa vui trong nội bộ hoặc đả kích kẻ thù là điều rất khó. Đến văn thơ đả kích trào lộng làm cho người ta cười được, cười một cách thoải mái, sâu cay lại còn khó nữa.

Tỉnh Nam Hà ngoài Tam Nguyên Yên Đổ và Tú Xương xứng đáng đoạt giải nhất về thơ văn trào phúng còn nhiều ông nghệ, ông cử, theo dõi lối thơ này cũng không ai hơn được Kép Trà. Tôi xin đơn cử một bài thơ của một nhà nho chế riếu một tên giàu có để vợ đi thả cò:

*Chú sọ xưa nay vốn sẵn tiền  
Một đời se lại mấy lần duyên  
Hiềm vì tuổi cả chưa hương khói  
Sẵn có cô ba mới tục huyền  
Thả sức hầu bài quan khách đến  
Mặc dầu phè phỡn tháng ngày tiên  
May đâu lão bạng sinh châu đó  
Đúc cốt chi bằng chuyện tráng men*

Đọc xong ta thấy tác giả cũng phê phán đả kích đấy, nhưng đòn đả kích còn nhẹ, chẳng khác gì đánh địch lại dùng cái xe điếu. Giá vào tay Kép Trà, chắc chắn lời thơ còn sắc mạnh hơn nhiều.

Tú Xương từng viết:

*Thọ kia mày có biết hay chăng?*

*Con vợ mày kia xiết nói năng*

Và Kép Trà:

*Lên mặt xuống chân không biết xấu*

*Bán tròn nuôi miệng có ra gì*

So sánh như vậy để chúng ta cái dao, cái búa đả kích của Tú Xương, Kép Trà là đáng giá và tiếng cười trào phúng của thơ hai ông thật sảng khoái và đắt giá.

Chúng tôi sơ bộ rút ra mấy đặc điểm về nghệ thuật trào phúng của thơ Kép Trà như sau:

1. Thơ Kép Trà đa số là thơ Nôm, theo thể Đường luật. Nhà thơ có cách hành văn giống Tú Xương ở cái lối *đả kích trực diện, gọi hẳn tên ra mà đả, đi thẳng vào đề*, chứ không nói bóng nói gió xa xôi gì. Làm được điều này đòi hỏi tác giả phải

dũng cảm, nói đúng sự thật, quật những đòn dích đáng mà vẫn không sợ bị đối phương trả thù. Kép Trà luôn giữ thái độ hiên ngang, không sợ quyền thế, không thiên vị, mặc dầu là bạn (Cử Yên Nhân Nguyễn Đình Hoè sau làm tri phủ; cử Lam Cầu cùng là văn thân hàng huyện cả). Mẹ thông Giàng là cháu cụ nghề Thúc, thầy học của ông, đối với ông vẫn coi như anh em họ, nhưng nhớ nhặng ông vẫn đả thẳng cánh. Đến bọn quan lại có những tay ông thường giao thiệp, ông vẫn không tha tội lỗi của chúng (phó bảng Tuấn, Đoàn Ngung, Vũ Thiện Đạm). Xin dẫn ra một số bài, một số câu thơ sau:

Tú Xương:

*Cử nhân: cậu ấm Kỳ*

*Tú tài: con đô Mỹ*

*Thi thể mới là thi*

*Ới khi ơi là khi!*

- Hai đĩa tranh nhau cái thủ khoa

*Tuấn khoe văn hoạt, Nghị văn già*

*Năm nay đỗ rất phùng hay chữ*

*Kìa bác Lê Tuyên cũng thứ ba*

- Sơ khảo khoa này bác cử Nhu

*Thực là vừa dốt lại vừa ngu*

Kép Trà:

- Làng hữu Thanh Oai có huyện "Đùn"

- Cò kè mặc cả lối phùng buôn...

- Hậu chi mà Hậu đồ vô Hậu

*Gia Viễn kìa ai gạo muối theo...*

- Nghe tin chú Bát lấy di Thông

*Kẻ mới xu tiêu, kẻ mới chông...*

2. Kép Trà có *biệt tài dùng chữ*, cố gắng sử dụng tới mức tối đa tác dụng của ngôn ngữ tiếng Việt. Ở bài "*Quan hàn bị đòn*", ông viết:

*Quan lớn xưa nay vốn vẫn tròn*

*Cớ sao đô Liễn nó ban đòn*

Tính từ "tròn" chỉ hình dáng cái đài vẫn tròn và còn có một ý nghĩa nữa là nói hàn Đài luôn lọt giỏi, nên lặn vào đâu cũng được.

Trong bài "*Đám cưới con ông huyện*" có hai câu "tà":

*"Con ông huyện lấy con ông cử*

*Kẻ rất sang chơi kẻ rất giàu"*

không những *đối nhau rất chỉnh* mà còn nêu bật tính giai cấp: *bọn sang chơi với bọn giàu*.

Câu thừa đề "*Kẻ mót xu tiêu, kẻ mót chõng*" (bài "*Duyên nợ chú Bát, dì Thông*") có từ "mót" dùng rất hay, vừa thể hiện lòng ước muốn của cả 2 bên đến cao độ, vừa tạo nên nhịp điệu đối nhỏ trong câu. Tiếp đến hai câu "tà":

*Danh giá quan ông hàm bát phẩm*

*Tiền tài mợ cháu của thiên thung*

Thật là *đối nhau chan chát*, rất tài, rất khớp với câu trên, rõ ràng một bên hàm danh, một bên hàm lợi.

Từ "cò kè" trong bài thơ "*Vịnh Đoàn Ngung*" cũng rất đáng chú ý. "*Cò kè mặc cả lối phường buôn*". Nguyễn Du trong truyện Kiều có câu: "*Cò kè bớt một thêm hai*" nói lên tính bòn xén, keo kiệt của anh học trò lái buôn họ Mã. Kép Trà tả một ông quan "Cò kè" như phường buôn kẻ cũng là gớm rồi, vì lúc ấy quan lại chiếm một địa vị cao sang trong xã hội, phường buôn thì nhiều kẻ đối trá, lật lọng đáng khinh.

Ở bài "Nguyễn Hữu Tiếp cưới vợ" có câu.

*Hí hừng ba nghìn hai cậu ăm*

*Nhục nhàn tám lạy bốn thằng con*

Kể về đời thì rất sát, rất tuyệt. Hai cậu ăm nạt được tiền thì thích thú mà bốn thằng con phải lễ sống mẹ vợ kể của bố thì nhục nhã quá. Nó còn nói lên cái tư cách hèn hạ của một tên trường giả học làm sang, quên cả tình nghĩa, chỉ cốt tiền tài đến mắt cá liềm sì.

Nhà thơ cũng "giết" tri huyện Nguyễn Hữu Hậu bằng 2 câu thơ:

*"Nghĩen răng chịu mãi, gừng nhau quá*

*Nhắm mắt vung tiêu, Nghệ nó liều*

Nghĩen răng mà chịu, cái chịu đựng ấy ghê gớm quá, mà lại "gùng" nữa, tất là cay cú nhau nhiều. "Gùng" đối với "nghệ" thú vị thật.

Các câu khác trong bài "Có chồng phải lòng trai" đọc lên thấy bình thường cả về ý tứ và hành văn, nhưng đến 2 câu kết:

*"Cắt tai, cắt tóc, cô đừng oán*

*Cắt cả gì đi cũng chẳng oan.*

khiến ta phải bật cười thoải mái, cái *khía cạnh đối lập* để trào lộng nằm ngay trong hai câu ấy. Ta liền tưởng đến chất trí tuệ và nụ cười thâm thúy của dân gian qua câu ca dao:

*Bà cốt đánh trống long tong*

*Nhảy lên, nhảy xuống, con ong đốt gì?*

Kép Trà có lối hành văn *khách quan, lạnh lạnh, bốc lên rồi mới giết xuống*, như thể đòn dũa mới đau:

*- Nước lụt năm nay thế cũng to*



*Hai bên nha, lệ hết lòng lo:  
Chưa nhai tre hết còn nhai bạc  
Vừa bắt trâu xong lại bắt bò*

(Lục)

*- Năm quan phủ, huyện rất nhân từ  
Dân tỉnh Hà Nam đội phúc dư:  
Miệng chửi cụ Đoàn nghe ráo hoảnh  
Món chim cu Phụng đọc trơn hờ*

(5 quan phủ, huyện)

Cách xưng hô của Kép Trà theo kiểu bề trên để biểu hiện thái độ đả kích của nhà thơ đối với các đối tượng đáng lên án, khinh bỉ: thằng (Tây), mày (quan quách gì mày), cu (Phụng), chú (Bát), dì (Thông), hần (Nghệ hần liêu)...

3 - Điều đáng quý là Kép Trà có ý thức dùng ngôn ngữ bình dân, nôm na, dễ hiểu, không cầu kỳ để làm thơ, viết câu đối (chủ yếu là thơ Nôm). Cũng có khi ông dùng những tiếng Pháp như "xừ", "me xừ", "mề đay"..., nhưng đã được Việt hoá, thông dụng lắm rồi. Nhà thơ của chúng ta, trừ một số ít thơ chữ Hán, cũng giống như Tú Xương rất ít khi dùng điển tích của nước ngoài, hoặc vay mượn những câu chữ xa xưa, mòn sáo để diễn đạt, phê phán những chuyện chướng tai gai mắt quanh ông. Kép Trà sử dụng nhiều phương ngôn, ca dao, tục ngữ dân tộc.

*Ví dụ:*

*- Châm dóm đã mòn chân chó sói*

*Soi gương chẳng thẹn mặt gương già*

*(Chó sói theo dóm ăn tàn, xấu như gương già)*

*- Tin bạn, bạn lừa nên mắc họa*

*(Tin trộm mất bò., tin bạn mất vợ nằm co một mình)*

*- Đời sống ai ơn đừng nát mẹ*

*Khởi rên con chớ vội quên thầy*

*(Đời sống nát mẹ, khởi rên quên thầy)*

*- Nuốt búa to gan, Nghệ hấn liều*

*(Xứ Nghệ to gan nuốt búa)*

*- Ba đồng bán rẻ tiếng nho nhe*

*(Mua danh 3 vạn, bán danh 3 đồng)*

Thơ Kép Trà giản dị, giàu tính hiện thực, vì nó gắn rất sát với thực tế của đời sống kinh tế, xã hội đương thời. Ông lại chịu khó tiếp thu vốn văn học dân gian để làm cho thơ của mình dễ hiểu, dễ được quần chúng tán thưởng và truyền bá. Văn hào Mác-xim Go-rơ-ki đã nói "Nhà văn mà không biết văn học dân gian là nhà văn tồi". Di sản thơ của ông để lại đã đóng góp thêm vào kho tàng văn học Việt Nam nói chung và của dòng văn học trào phúng nước ta cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 nói riêng.

## DI SẢN ĐÁNG TRÂN TRỌNG

Kép Trà sinh năm 1873, mất năm 1928, như vậy ông sinh sau Tú Xương 3 năm và mất sau Tú Xương 21 năm. Nguyễn

Khuyến mất sau Tú Xương 2 năm (1909). Văn thơ Tú Xương nổi tiếng từ lúc ông còn trẻ. Thơ Kép Trà cũng được nhiều người truyền tụng vào khoảng trước năm 1920, cách lúc Tú Xương mất trên dưới 10 năm. Thời ấy ở Hà Nam, người ta truyền miệng cho nhau thơ Kép Trà coi như tin thời sự sốt dẻo, nhất là được bài nào của ông mới làm, họ kháo nhau và bình luận sôi nổi. Có khi tự ý thêm bớt hay thay vào một vài tiếng, hoặc nhớ sai đi, cho nên việc sưu tầm thơ ông rơi vào tình trạng "tam sao thất bản" không dễ dàng. Quần chúng mến mộ thơ Kép Trà, bởi những lời đanh thép, nặng như búa tạ, sắc như dao mác đập lên, chém lên đầu đối phương một cách đích đáng, không thương tiếc. Thơ ông rất hiện thực và rất trào phúng. Bọn quan lại phong kiến "có tật giật mình" thì ghét cay ghét đắng và còn sợ thơ ông nữa.

Vậy thơ Kép Trà có chịu ảnh hưởng của thơ Tú Xương không? Chúng tôi cho rằng: có. Không những thế, thơ Kép Trà còn chịu ảnh hưởng của Nguyễn Khuyến (1835-1909) và xa hơn còn của Hồ Xuân Hương. Ông đã kế thừa tinh hoa của thơ trào phúng của 3 nhà thơ kiệt xuất này.

Có thể nói rằng về dung lượng hiện thực được phản ánh, về mặt rộng thì thơ Kép Trà kém Tú Xương. Tú Xương đa nhiều nhân vật, nhiều giới không những ở Thành Nam mà còn ở các tỉnh khác nữa: quan lại, me tây, sư sãi; nhà buôn, sỹ tử, ông cò... Điều này cũng dễ hiểu vì Tú Xương sống ở ngay một thành phố có trường thi, các sỹ tử, người thập phương lui tới nhiều. Hơn nữa những sự việc đổi thay ở cái thành phố đứng thứ 2,3 trên đất Bắc giữa buổi gió Á, mưa Âu cũng có nhiều. Nhưng nói về mặt đả phong kiến thì những ngón đòn của Kép

Trà có phần nặng hơn, mạnh mẽ, sỗ sàng hơn. Chính nhà thơ đã tự nhận "*Thằng thì hay nói sỗ*" (Đi ăn cỗ)

Kép Trà ít đả động đến bọn quan to như tuần phủ, thống đốc, nhất là lũ thực dân xâm lược Pháp như chánh, công sứ. Chỉ có một lần, ông viết "ngươi tuần ĐỀ". Điểm này Kép Trà thua Nguyễn Thiện Kế, tức huyện Móm (1858-1916) dám vịnh 10 tên quan lại to đầu ở Bắc Kỳ (Bắc Kỳ thập vịnh). Ông đả phong kiến mạnh, đả Tây yếu. Nhưng Kép Trà lại dám gọi Tây bằng thằng "*Nâng dái thằng Tây*", còn huyện Móm thì đùa "*Nịnh bố cu Tây, công mẹ dâm*".

Kép Trà đả phong kiến rất quyết liệt, nhưng ông nói về thân phận người nghèo còn ít. Trong số văn thơ của ông mà chúng tôi sưu tầm được chỉ có 2 bài "*Lụt*" và "*Đền kéo quân*" phản ánh nỗi cơ cực của người nghèo. Tú Xương cũng như vậy. Ông có trên 300 bài thơ, câu đối mà chỉ có 3 bài nói về nông dân, nhưng cũng hơi hợt (Đại hạn, Mưa tháng 7, Gặp người ăn xin).

Về thơ đề ký thác lòng yêu nước, Kép Trà cũng ít làm. Ngoài bài "*Vịnh đền Hùng*" của ông, chúng tôi chưa sưu tầm thêm được bài nào. Hạn chế của Kép Trà trong nhân sinh quan, thế giới quan và trong thơ ca như phần đầu chúng tôi đã phân tích là điều dễ hiểu.

Kép Trà đã qua đời cách đây (1975) gần nửa thế kỷ, nhưng di sản thơ ca của ông để lại (nhất là thơ trào phúng) thì thật là đáng trân trọng. "*Gạn đục khơi trong*", chúng ta nghiên cứu phân tích mặt mạnh, mặt hạn chế của thơ văn Kép Trà là để nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống hôm nay. Chúng tôi nghĩ rằng những văn thơ sắc sảo, đanh thép, trào lộng sâu cay của

*KÉP TRÀ - NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG...*

---

ông vẫn có tác dụng giúp chúng ta nhận thức hiện thực xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, góp phần vào việc xây dựng xã hội mới, xây dựng con người mới của Việt Nam hôm nay./.

Nam Hà tháng 10 năm 1975

T.V